TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Thúy N**, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Hẻm … Đ V N, tổ dân phố .., phường E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Hiện trú tại: Tổ dân phố .., thị trấn Đ, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1978; Đăng ký thường trú và hiện trú tại: Thôn G, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- *Người làm chứng*:

+ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955.

Trú quán: thôn G, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Đ, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn Hà Thị Thúy N trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại Đắk Lắk và hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng 03 tháng) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt do sự

khác biệt văn hóa vùng miền, cuộc sống không hòa hợp. Từ đó anh Đ bỏ về quê ở xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương sống từ cuối năm 2013 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, anh Đ chỉ thỉnh thoảng liên lạc để hỏi thăm con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/7/2013, hiện đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là công chức ngành Tòa án, mức thu nhập trung bình khoảng 7.500.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là mẹ anh Đ, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

+ Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Đ) xác định: Anh Đ, chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ chung sống với nhau một thời gian rất ngắn thì anh Đ bỏ về quê sinh sống, lý do vì sao thì bà cũng không rõ. Từ khi anh Đ về quê sinh sống, chị N cũng không qua lại, hỏi thăm gì anh Đ và gia đình bà. Vừa qua, khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng cho anh Đ, do anh Đ đi làm ăn xa không có nhà nên bà đã nhận và thông báo, điện thoại cho anh Đ biết. Qua trao đổi, anh Đ cho biết đang đi làm ăn tự do nay đây mai đó không có địa chỉ cố định và không nói cho bà địa chỉ cụ thể, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn chị N, do công việc bận nên anh Đ không về Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh Đ, chị N có một con chung là Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/7/2013, cháu sống với chị N từ nhỏ đến nay. Do anh Đ không có nhà nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã V và đại diện các đoàn thể xã V, trưởng thôn G, xã V đều được cung cấp: Năm 2013, anh Đ vào Đắk Lắk làm ăn, có kết hôn với chị Hà Thị Thúy N, anh Đ chỉ ở trong đó một thời gian ngắn thì một mình quay về địa phương sinh sống. Qua tìm hiểu gia đình anh Đ được biết, sau khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Do không thể chung sống được với nhau nên anh Đ về quê sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng có 01 con chung như các đương sự đã trình bày là đúng và hiện con chung đang ở với chị N. Do con chung đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ, thực tế cháu ở với chị N từ nhỏ, anh Đ không có nhà, nên đề nghị Tòa án giao con cho chị N nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung. Anh Đ vẫn đăng ký thường thú ở địa phương, hiện đi làm tự do trên TP Hà Nội, do làm tự do nên địa phương cũng không nắm được địa chỉ cụ thể của anh Đ để cung cấp cho Tòa án.

Ngày 30/3/2023, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận anh Phạm Văn Đ không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên toà, chị N đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ và xin được nuôi dưỡng con chung như đã trình bày. Anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị Thúy N ly hôn anh Phạm Văn Đ; Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Thúy N được nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Hà Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị Thúy N đã được Toà án triệu tập hợp lệ và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn Đ được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị Hà Thị Thúy N và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk ngày 12/6/2013 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người có một quan điểm trái ngược nhau. Theo chị N xác định, khi vợ chồng mâu thuẫn năm 2013, anh Đ đã bỏ về quê ở thôn G, xã V sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, lời khai của chị N phù hợp với lời khai của bà Hải (mẹ đẻ anh Đ) cũng như biên bản làm việc giữa Toà án với trưởng thôn G và đại diện các đoàn thể xã V. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã V, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, hiện đi làm ăn tự do. Chị N đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã V xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố Tụng dân sự. Tuy nhiên khi anh Đ đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị N

biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị N trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, mặc dù anh Đ biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng anh Đ cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án giao cho người thân. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/7/2013 đang ở với chị N. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị N thấy rằng: Cháu H đã ở với chị N từ nhỏ đến nay, hiện có cuộc sống học tập ổn định và có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị N hiện là công chức Tòa án, có thu nhập trung bình 7.500.000 đồng/tháng, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Anh Đ đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án để làm việc, quan điểm của UBND xã V và đại diện các đoàn thể, mẹ đẻ anh Đ đều có quan điểm do anh Đ không ở nhà nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc Khánh H cho chị N nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị Thúy N khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Thúy N được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Thúy N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Ngọc Khánh H, sinh ngày 25/7/2013 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003286 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã E,
TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- UBND xã V, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân